

**LĐLĐ TỈNH HOÀ BÌNH
CÔNG ĐOÀN GIÁO DỤC**

Số : 225 /CĐGD
V/v cấp kinh phí hoạt động công đoàn
lần 5 năm 2017

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hoà Bình, ngày 16 tháng 8 năm 2017

Kính gửi: Công đoàn các đơn vị, trường học trực thuộc.

Căn cứ nguồn kinh phí công đoàn các đơn vị, trường học nộp vào tài khoản chuyên thu của Công đoàn Giáo dục Hòa Bình tính đến hết ngày 10/8/2017, Công đoàn Giáo dục Hòa Bình thông báo đến công đoàn các đơn vị, trường học nội dung sau:

1. Công đoàn Giáo dục Hòa Bình cấp 0,94 kinh phí hoạt động công đoàn lần 5 năm 2017 cho những đơn vị đã nộp 2% kinh phí về tài khoản của Công đoàn ngành tính đến hết ngày 10/8/2017 (Có danh sách kèm theo).

Các công đoàn cơ sở được cấp kinh phí bằng tiền mặt về nhận kinh phí tại thường trực Công đoàn ngành từ ngày 21/8/2017 (Liên hệ trước với thường trực Công đoàn ngành theo số điện thoại: 0218.3854 502).

2. Công đoàn Giáo dục Hòa Bình thông báo số kinh phí được cấp và kinh phí phải trừ 10% theo Nghị quyết 9C/NQ-BCH (Có danh sách kèm theo) để công đoàn các đơn vị, trường học trực thuộc theo dõi, tổng hợp và đưa vào báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động công đoàn 6 tháng cuối năm 2017 của đơn vị.

Công đoàn Giáo dục Hòa Bình đề nghị các công đoàn cơ sở nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PCT CĐGD Hòa Bình;
- Website ngành;
- Lưu VP.



Lê Thị Thúy Hương

LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH HÒA BÌNH
CÔNG ĐOÀN GIÁO DỤC

THÔNG BÁO

CẤP KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN NĂM 2017 (LẦN 5)

STT	Tên đơn vị	Đã cấp trả nợ năm 2016	Đã cấp lần 1		Đã cấp lần 2		Đã cấp lần 3		Đã cấp lần 4	Cấp lần 5	Tổng
			Cấp trả nợ lần 1/2016 (Do năm 2017 các đ.vị mới nộp chênh lệch lương)	Cấp lần 1 năm 2017	Cấp trả nợ lần 2/2016 (Do năm 2017 các đ.vị mới nộp chênh lệch lương)	Cấp lần 2 năm 2017	Cấp trả nợ lần 3/2016 (Do năm 2017 các đ.vị mới nộp chênh lệch lương)	Cấp lần 3 năm 2017			
1	Trường THPT Cộng Hòa			5.600.000						5.072.000	10.672.000
2	Trường THPT Đại Đồng			5.340.000			460.000	5.350.000		5.347.000	16.497.000
3	Trường THPT Quyết Thắng	730.000		3.870.000		3.960.000					8.560.000
4	Trường THPT Lạc Sơn	2.071.000	1.010.000	6.200.000		2.150.000		2.070.000	2.060.000	2.061.000	17.622.000
5	Trường PTDTNT THCS và THPT Ngọc Sơn		4.700.000			3.540.000				3.664.000	11.904.000
6	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Lạc Sơn	318.000		3.920.000						5.191.000	9.429.000
7	Trường THPT Thạch Yên	418.000		4.210.000				2.080.000	1.110.000	1.087.000	8.905.000
8	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Cao Phong	588.000		4.110.000				2.640.000	1.320.000	1.320.000	9.978.000
9	Trường THPT Cao Phong	858.000		3.690.000		4.130.000			3.820.000	1.909.000	14.407.000
10	Trường THPT Kỳ Sơn			5.230.000		5.230.000				6.834.000	17.294.000
11	Trường THPT Phú Cường			3.230.000		2.220.000			2.330.000	1.163.000	8.943.000
12	Trường THPT Lương Sơn	1.001.000		4.050.000	330.000	4.120.000		2.120.000		4.227.000	15.848.000
13	Trường THPT Nam Lương Sơn	791.000		5.230.000		5.230.000				6.031.000	17.282.000
14	Trường THPT Nguyễn Trãi	1.629.000	180.000	4.180.000				2.580.000	1.290.000	1.295.000	11.154.000
15	Trường THPT Cù Chính Lan			7.560.000		7.560.000				7.238.000	22.358.000
16	Trường PT DTNT THCS & THPT huyện Lạc Thủy			3.100.000		3.080.000				3.077.000	9.257.000
17	Trường THPT Lạc Thủy B			5.220.000						5.500.000	10.720.000
18	Trường THPT Lạc Thủy	2.371.000		4.130.000					1.980.000	4.091.000	16.522.000
19	Trường THPT Lạc Thủy C	1.442.000		2.480.000				4.120.000		2.555.000	10.597.000

20	Trường THPT Mai Châu	3.321.000		4.280.000		2.360.000		4.410.000		4.438.000	18.809.000
21	Trường THPT Mai Châu B	473.000		2.070.000		2.160.000			1.000.000	2.218.000	7.921.000
22	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Mai Châu	1.682.000		3.590.000					3.580.000		8.852.000
23	Trường PTDTNT THCS B huyện Mai Châu				400.000	2.670.000		3.120.000			6.190.000
24	Trường THPT Yên Thủy C	74.000		3.890.000					3.880.000		7.844.000
25	Trường THPT Yên Thủy A	7.435.000		0.000		6.500.000		6.500.000			20.435.000
26	Trường THPT Yên Thủy B	2.658.000		5.070.000				3.400.000			3.268.000
27	Trường THPT Thanh Hà			4.830.000					2.840.000	2.888.000	10.558.000
28	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Yên Thủy	3.038.000		0.000				2.890.000		2.892.000	8.820.000
29	Trường THPT 19/5	1.080.000		4.550.000		5.100.000		2.400.000	2.380.000	2.405.000	17.915.000
30	Trường THPT Kim Bôi							11.500.000		4.580.000	16.080.000
31	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Kim Bôi	2.094.000		2.340.000				3.590.000	1.230.000	1.232.000	10.486.000
32	Trường THPT Sào Báy	704.000			160.000	4.940.000		3.370.000		3.391.000	12.565.000
33	Trường THPT Bắc Sơn	1.164.000	490.000	3.090.000				2.040.000		2.047.000	8.831.000
34	Trường THPT Mường Chiềng	435.000		1.890.000				2.970.000		2.186.000	7.481.000
35	Trường THPT Yên Hoà	338.000		720.000					1.500.000	3.094.000	5.652.000
36	Trường THPT Đà Bắc	683.000		3.100.000		3.080.000			1.590.000	3.161.000	11.614.000
37	Trường PTDTNT THCS B huyện Đà Bắc			2.220.000					1.660.000	1.800.000	5.680.000
38	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Đà Bắc	5.285.000		3.180.000							8.465.000
39	Trường THPT Đoàn Kết			4.350.000				2.930.000		1.594.000	8.874.000
40	Trường THPT Tân Lạc	925.000		6.080.000		2.270.000		2.020.000		4.058.000	15.353.000
41	Trường THPT Mường Bi		710.000	6.620.000				3.250.000		3.254.000	13.834.000
42	Trường THPT Lũng Vân	2.012.000						2.030.000		4.064.000	8.106.000
43	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Tân Lạc	6.113.000				5.350.000				5.629.000	17.092.000
44	Trường Phổ thông dân tộc nội trú THPT tỉnh	4.643.000		9.700.000		3.140.000		3.140.000	3.140.000	6.620.000	30.383.000
45	Trường THPT Chuyên Hoàng Văn Thụ	7.694.000	890.000	10.080.000		5.070.000		5.080.000	5.080.000	5.287.000	39.181.000
46	Trường THPT Công nghiệp	1.388.000		7.800.000		5.990.000			8.260.000		23.438.000
47	Trường THPT Lạc Long Quân	1.134.000		4.630.000		2.200.000		2.230.000	2.200.000	2.203.000	14.597.000
48	Trường THPT Ngô Quyền	5.099.000		5.790.000				2.740.000	1.300.000	2.804.000	17.733.000
49	Trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình			14.820.000		5.530.000			5.350.000	10.692.000	41.462.000
50	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật					7.560.000					7.560.000
51	TT Ngoại ngữ và Tin học	1.179.000		2.150.000					2.040.000	716.000	6.085.000
52	TT GDTX tỉnh		290.000	5.700.000				3.930.000	1.950.000	1.910.000	13.780.000

53	TT. Kỹ thuật Tổng hợp Hướng nghiệp	469.000	650.000	3.010.000				2.010.000	1.020.000	1.146.000	8.305.000
54	Sở Giáo dục và Đào tạo Hoà Bình	7.791.000				7.160.000		2.330.000		371.018	17.652.018
55	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Lương Sơn		390.000	1.310.000					1.370.000		3.070.000
56	Công ty CP sách & TBTH										0.000
	Cộng	81.128.000	9.310.000	208.210.000	890.000	112.300.000	460.000	113.360.000	65.280.000	152.110.018	743.048.018

NGƯỜI LẬP BIỂU

Đinh Thị Quỳnh Như

Hà Bình, ngày 15 tháng 8 năm 2017
TM BAN THƯỜNG VỤ
BCH PHÓ CHỦ TỊCH
CÔNG ĐOÀN GIÁO DỤC
Le Thị Thúy Hương

LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH HÒA BÌNH
CÔNG ĐOÀN GIÁO DỤC

THÔNG BÁO

CẤP ỦY NHIỆM CHI KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN NĂM 2017 (LẦN 5)

STT	Tên đơn vị	Đã cấp trả nợ năm 2016	Đã cấp lần 1		Đã cấp lần 2		Đã cấp lần 3		Đã cấp lần 4	Cấp lần 5	Tổng
			Cấp trả nợ lần 1/2016 (Do năm 2017 các đ.vị mới nộp chênh lệch lương)	Cấp lần 1 năm 2017	Cấp trả nợ lần 2/2016 (Do năm 2017 các đ.vị mới nộp chênh lệch lương)	Cấp lần 2 năm 2017	Cấp trả nợ lần 3/2016 (Do năm 2017 các đ.vị mới nộp chênh lệch lương)	Cấp lần 3 năm 2017			
1	Trường THPT Cộng Hòa			5.600.000						5.072.000	10.672.000
2	Trường THPT Lạc Sơn	2.071.000	1.010.000	6.200.000		2.150.000		2.070.000	2.060.000	2.061.000	17.622.000
3	Trường THPT Thạch Yên	418.000		4.210.000				2.080.000	1.110.000	1.087.000	8.905.000
4	Trường THPT Cao Phong	858.000		3.690.000		4.130.000			3.820.000	1.909.000	14.407.000
5	Trường THPT Kỳ Sơn			5.230.000		5.230.000				6.834.000	17.294.000
6	Trường THPT Phú Cường			3.230.000		2.220.000			2.330.000	1.163.000	8.943.000
7	Trường THPT Lương Sơn	1.001.000		4.050.000	330.000	4.120.000		2.120.000		4.227.000	15.848.000
8	Trường THPT Nguyễn Trãi	1.629.000	180.000	4.180.000				2.580.000	1.290.000	1.295.000	11.154.000
9	Trường THPT Cù Chính Lan			7.560.000		7.560.000				7.238.000	22.358.000
10	Trường THPT Lạc Thủy	2.371.000		4.130.000				3.950.000	1.980.000	4.091.000	16.522.000
11	Trường THPT Mai Châu	3.321.000		4.280.000		2.360.000		4.410.000		4.438.000	18.809.000
12	Trường THPT Mai Châu B	473.000		2.070.000		2.160.000			1.000.000	2.218.000	7.921.000
13	Trường THPT Yên Thủy B	2.658.000		5.070.000				3.400.000		3.268.000	14.396.000
14	Trường THPT Thanh Hà			4.830.000					2.840.000	2.888.000	10.558.000
15	Trường THPT 19/5	1.080.000		4.550.000		5.100.000		2.400.000	2.380.000	2.405.000	17.915.000
16	Trường THPT Kim Bôi							11.500.000		4.580.000	16.080.000
17	Trường THPT Sào Báy	704.000			160.000	4.940.000		3.370.000		3.391.000	12.565.000
18	Trường THPT Bắc Sơn	1.164.000	490.000	3.090.000				2.040.000		2.047.000	8.831.000
19	Trường THPT Đà Bắc	683.000		3.100.000		3.080.000			1.590.000	3.161.000	11.614.000

20	Trường THPT Đoàn Kết			4.350.000			2.930.000		1.594.000	8.874.000
21	Trường THPT Tân Lạc	925.000		6.080.000		2.270.000	2.020.000		4.058.000	15.353.000
22	Trường THPT Mường Bi		710.000	6.620.000			3.250.000		3.254.000	13.834.000
23	Trường THPT Lũng Vân	2.012.000					2.030.000		4.064.000	8.106.000
24	Trường Phổ thông dân tộc nội trú THPT tỉnh	4.643.000		9.700.000		3.140.000	3.140.000	3.140.000	6.620.000	30.383.000
25	Trường THPT Chuyên Hoàng Văn Thụ	7.694.000	890.000	10.080.000		5.070.000	5.080.000	5.080.000	5.287.000	39.181.000
26	Trường THPT Lạc Long Quân	1.134.000		4.630.000		2.200.000	2.230.000	2.200.000	2.203.000	14.597.000
27	Trường THPT Ngô Quyền	5.099.000		5.790.000			2.740.000	1.300.000	2.804.000	17.733.000
28	Trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình			14.820.000		5.530.000	5.070.000	5.350.000	10.692.000	41.462.000
29	TT Ngoại ngữ và Tin học	1.179.000		2.150.000				2.040.000	716.000	6.085.000
30	TT GDTX tỉnh		290.000	5.700.000			3.930.000	1.950.000	1.910.000	13.780.000
31	TT. Kỹ thuật Tổng hợp Hường nghiệp	469.000	650.000	3.010.000			2.010.000	1.020.000	1.146.000	8.305.000
32	Sở Giáo dục và Đào tạo Hoà Bình	7.791.000				7.160.000			371.018	17.652.018
	Cộng	49.377.000	4.220.000	148.000.000	490.000	68.420.000	0.000	76.680.000	42.480.000	108.092.018
										497.759.018

NGƯỜI LẬP BIỂU



Đinh Thị Quỳnh Như

Hòa Bình, ngày 15 tháng 8 năm 2017
TỔNG BAN THƯỜNG VỤ
BCH PHÓ CHỦ TỊCH
CÔNG ĐOÀN GIÁO DỤC

 Lê Thị Thủy Hương

LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH HÒA BÌNH
CÔNG ĐOÀN GIÁO DỤC

THÔNG BÁO

CẤP TIỀN MẶT KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN NĂM 2017 (LẦN 5)

STT	Tên đơn vị	Đã cấp trả nợ năm 2016	Đã cấp lần 1		Đã cấp lần 2		Đã cấp lần 3		Đã cấp lần 4	Cấp lần 5	Tổng
			Cấp trả nợ lần 1/2016 (Do năm 2017 các đ.vị mới nộp chênh lệch lương)	Cấp lần 1 năm 2017	Cấp trả nợ lần 2/2016 (Do năm 2017 các đ.vị mới nộp chênh lệch lương)	Cấp lần 2 năm 2017	Cấp trả nợ lần 3/2016 (Do năm 2017 các đ.vị mới nộp chênh lệch lương)	Cấp lần 3 năm 2017			
1	Trường THPT Đại Đồng			5.340.000			460.000	5.350.000		5.347.000	16.497.000
2	Trường PTDTNT THCS và THPT Ngọc Sơn		4.700.000			3.540.000				3.664.000	11.904.000
3	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Lạc Sơn	318.000		3.920.000						5.191.000	9.429.000
4	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Cao Phong	588.000		4.110.000				2.640.000	1.320.000	1.320.000	9.978.000
5	Trường THPT Nam Lương Sơn	791.000		5.230.000		5.230.000				6.031.000	17.282.000
6	Trường PT DTNT THCS & THPT huyện Lạc Thủy			3.100.000		3.080.000				3.077.000	9.257.000
7	Trường THPT Lạc Thủy C	1.442.000		2.480.000				4.120.000		2.555.000	10.597.000
8	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Yên Thủy	3.038.000		0.000				2.890.000		2.892.000	8.820.000
9	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Kim Bôi	2.094.000		2.340.000				3.590.000	1.230.000	1.232.000	10.486.000
10	Trường THPT Mường Chiềng	435.000		1.890.000				2.970.000		2.186.000	7.481.000
11	Trường THPT Yên Hoà	338.000		5.230.000					1.500.000	3.094.000	10.162.000
12	Trường PTDTNT THCS B huyện Đà Bắc			3.100.000					1.660.000	1.800.000	6.560.000
13	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Tân Lạc	6.113.000				5.350.000				5.629.000	17.092.000
	Cộng	15.157.000	4.700.000	36.740.000	0.000	17.200.000	460.000	21.560.000	5.710.000	44.018.000	145.545.000

NGƯỜI LẬP BIỂU

Đinh Thị Quỳnh Như

Hòa Bình, ngày 15 tháng 8 năm 2017
TM. BAN THƯỜNG VỤ
BCH PHÓ CHỦ TỊCH
CÔNG ĐOÀN GIÁO DỤC
 Lê Thị Thủy Hương

LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH HÒA BÌNH
CÔNG ĐOÀN GIÁO DỤC

THÔNG BÁO
SỐ LIỆU KINH PHÍ CẤP BÙ TRỪ THEO NGHỊ QUYẾT 9C/NQ-BCH LẦN 5/2017

STT	Tên đơn vị	KP 2% CĐCS nộp từ 14/6 đến hết 10/8/2017)	Ước số 1% đoàn phí thu tại đơn vị	Số KP phải cấp cho CĐCS theo số thực thu (0,94)	Ước số chi phụ cấp cho BCH của CĐCS (30%)	Số kinh phí được tính để trích nộp theo NQ 9C/NQ- BCH	Số kinh phí trừ 10% theo NQ 9C/NQ- BCH
1	2	3	4=3/2	5	6=(4+5)*30%	7=4+5-6	8=7*10%
1	Trường THPT Cộng Hòa	12.613.000	6.306.500	5.928.000	3.670.350	8.564.150	856.000
2	Trường THPT Đại Đồng	13.297.500	6.648.750	6.250.000	3.869.625	9.029.125	903.000
3	Trường THPT Quyết Thắng	-	-	-			
4	Trường THPT Lạc Sơn	5.124.500	2.562.250	2.409.000	1.491.375	3.479.875	348.000
5	Trường PTDTNT THCS và THPT Ngọc Sơn	9.113.000	4.556.500	4.283.000	2.651.850	6.187.650	619.000
6	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Lạc Sơn	12.911.000	6.455.500	6.068.000	3.757.050	8.766.450	877.000
7	Trường THPT Thạch Yên	2.701.988	1.350.994	1.270.000	786.298	1.834.696	183.000
8	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Cao Phong	3.281.967	1.640.984	1.543.000	955.195	2.228.788	223.000
9	Trường THPT Cao Phong	4.746.997	2.373.499	2.231.000	1.381.350	3.223.149	322.000
10	Trường THPT Kỳ Sơn	16.996.800	8.498.400	7.988.000	4.945.920	11.540.480	1.154.000
11	Trường THPT Phú Cường	2.892.300	1.446.150	1.359.000	841.545	1.963.605	196.000
12	Trường THPT Lương Sơn	10.511.789	5.255.895	4.941.000	3.059.068	7.137.826	714.000
13	Trường THPT Nam Lương Sơn	15.000.000	7.500.000	7.050.000	4.365.000	10.185.000	1.019.000
14	Trường THPT Nguyễn Trãi	3.222.109	1.611.055	1.514.000	937.516	2.187.538	219.000
15	Trường THPT Cù Chính Lan	18.000.000	9.000.000	8.460.000	5.238.000	12.222.000	1.222.000
16	Trường PT DTNT THCS & THPT huyện Lạc Thủy	7.652.800	3.826.400	3.597.000	2.227.020	5.196.380	520.000
17	Trường THPT Lạc Thủy B	-	-	-			
18	Trường THPT Lạc Thủy	10.173.800	5.086.900	4.782.000	2.960.670	6.908.230	691.000
19	Trường THPT Lạc Thủy C	6.354.991	3.177.496	2.987.000	1.849.349	4.315.147	432.000
20	Trường THPT Mai Châu	11.035.700	5.517.850	5.187.000	3.211.455	7.493.395	749.000
21	Trường THPT Mai Châu B	5.514.300	2.757.150	2.592.000	1.604.745	3.744.405	374.000
22	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Mai Châu	-	-	-			
23	Trường PTDTNT THCS B huyện Mai Châu	-	-	-			
24	Trường THPT Yên Thủy C	-	-	-			
25	Trường THPT Yên Thủy A	-	-	-			
26	Trường THPT Yên Thủy B	8.127.577	4.063.789	3.820.000	2.365.137	5.518.652	552.000
27	Trường THPT Thanh Hà	7.183.300	3.591.650	3.376.000	2.090.295	4.877.355	488.000
28	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Yên Thủy	7.192.400	3.596.200	3.380.000	2.092.860	4.883.340	488.000

29	Trường THPT 19/5	5.980.000	2.990.000	2.811.000	1.740.300	4.060.700	406.000
30	Trường THPT Kim Bôi	11.389.200	5.694.600	5.353.000	3.314.280	7.733.320	773.000
31	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Kim Bôi	3.063.200	1.531.600	1.440.000	891.480	2.080.120	208.000
32	Trường THPT Sào Báy	8.433.304	4.216.652	3.964.000	2.454.196	5.726.456	573.000
33	Trường THPT Bắc Sơn	5.092.000	2.546.000	2.393.000	1.481.700	3.457.300	346.000
34	Trường THPT Mường Chiềng	5.436.000	2.718.000	2.555.000	1.581.900	3.691.100	369.000
35	Trường THPT Yên Hoà	7.694.400	3.847.200	3.616.000	2.238.960	5.224.240	522.000
36	Trường THPT Đà Bắc	7.861.000	3.930.500	3.695.000	2.287.650	5.337.850	534.000
37	Trường PTDTNT THCS B huyện Đà Bắc	4.476.000	2.238.000	2.104.000	1.302.600	3.039.400	304.000
38	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Đà Bắc	-	-	-			
39	Trường THPT Đoàn Kết	3.964.600	1.982.300	1.863.000	1.153.590	2.691.710	269.000
40	Trường THPT Tân Lạc	10.092.300	5.046.150	4.743.000	2.936.745	6.852.405	685.000
41	Trường THPT Mường Bi	8.092.100	4.046.050	3.803.000	2.354.715	5.494.335	549.000
42	Trường THPT Lũng Vân	10.106.200	5.053.100	4.750.000	2.940.930	6.862.170	686.000
43	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Tân Lạc	14.000.000	7.000.000	6.580.000	4.074.000	9.506.000	951.000
44	Trường Phổ thông dân tộc nội trú THPT tỉnh	16.463.958	8.231.979	7.738.000	4.790.994	11.178.985	1.118.000
45	Trường THPT Chuyên Hoàng Văn Thụ	13.148.900	6.574.450	6.180.000	3.826.335	8.928.115	893.000
46	Trường THPT Công nghiệp	-	-	-			
47	Trường THPT Lạc Long Quân	5.478.100	2.739.050	2.575.000	1.594.215	3.719.835	372.000
48	Trường THPT Ngô Quyền	6.974.530	3.487.265	3.278.000	2.029.580	4.735.686	474.000
49	Trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình	26.591.800	13.295.900	12.498.000	7.738.170	18.055.730	1.806.000
50	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật	-	-	-			
51	TT Ngoại ngữ và Tin học	1.780.000	890.000	837.000	518.100	1.208.900	121.000
52	TT GDTX tỉnh	4.750.200	2.375.100	2.233.000	1.382.430	3.225.670	323.000
53	TT. Kỹ thuật Tổng hợp Hướng nghiệp	2.850.100	1.425.050	1.340.000	829.515	1.935.535	194.000
54	Sở Giáo dục và Đào tạo Hoà Bình	-	-	-			
55	Trường PTDTNT THCS & THPT huyện Lương Sơn	-	-	-			
56	Công ty CP sách & TBTH	-	-	-			
Cộng		377.365.710	188.682.855	177.364.000	109.814.057	256.232.799	25.625.000

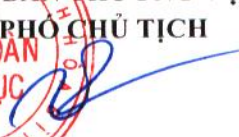
NGƯỜI LẬP BIỂU



Đinh Thị Quỳnh Như

Hòa Bình, ngày 15 tháng 8 năm 2017

TM. BAN THƯỜNG VỤ
BCH
PHÓ CHỦ TỊCH
CÔNG ĐOÀN
GIÁO DỤC



Lê Thị Thúy Hương